



ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2022
PHẦN II - TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
MỤC 1
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

- Mã trường (dùng trong tuyển sinh): **MHN**
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: **www.hou.edu.vn**
- Địa chỉ Cổng thông tin tuyển sinh: **http://tuyensinh.hou.edu.vn**

1. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

- Trường Đại học Mở Hà Nội xét tuyển thí sinh trên cả nước dựa vào kết quả thi các môn văn hóa từ kết quả của Kỳ thi tốt nghiệp THPT, kết hợp hình thức xét học bạ đối với một số ngành.
- Riêng các ngành năng khiếu Nhà trường tổ chức thi các môn năng khiếu vẽ hoặc nhận kết quả thi của thí sinh dự thi năng khiếu vẽ tại các trường Đại học khác trên cả nước.

1.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Ngành/Lĩnh vực/Tổ hợp xét tuyển	Năm 2020			Năm 2021		
	Chỉ tiêu	Số Trúng tuyển	Điểm Trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số Trúng tuyển	Điểm Trúng tuyển
Lĩnh vực 2						
Ngành Thiết kế công nghiệp (gồm 3 chuyên ngành Thiết kế nội thất, Thiết kế thời trang và Thiết kế đồ họa): Các THXT: H00, H01, H06	170	191	19,30 (Môn NK hệ số 2)	270	277	20,46 (Môn NK hệ số 2)
Lĩnh vực 3						
- Kế toán (A00, A01, D01)	240	287	23,20	290	300	24,90
- Thương mại điện tử (A00, A01, D01)	120	141	24,20	110	113	25,85
- Quản trị kinh doanh (A00, A01, D01)	290	336	23,25	300	305	25,15
- Tài chính – Ngân hàng (A00, A01, D01)	270	312	22,60	350	357	24,70
Lĩnh vực 4						

- Luật (A00, A01, D01)	230	245	21,80	240	249	23,90
- Luật (C00)	-	-	-			25,25
- Luật Kinh tế (A00, A01, D01)	200	240	23,00	250	261	24,45
- Luật Kinh tế (C00)	-	-	-			26,00
- Luật Quốc tế (A00, A01, D01)	70	119	20,50	100	104	23,90
- Luật Quốc tế (C00)	-	-	-			24,75
Lĩnh vực 5						
- Công nghệ sinh học (A00, B00, D07)	140	29	15,00	70	47	16,00
Lĩnh vực 8						
- Công nghệ thông tin (A00, A01, D01)	330	391	23,00	370	388	24,85
Lĩnh vực 9						
- Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông (A00, A01, C01, D01)	190	205	17,15	235	244	21,65
- Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (A00, A01, C01, D01)	190	220	17,05	245	255	21,45
Lĩnh vực 11						
- Công nghệ thực phẩm (A00, B00, D07)	150	28	15,00	75	75	16,00
Lĩnh vực 12						
- Kiến trúc (V00, V01, V02)	100	23	20,00 (NK hệ số 2)	-	-	-
Lĩnh vực 16						
- Ngôn ngữ Anh (D01)	300	349	30,33 (Môn TA hệ số 2)	375	390	34,27 (Môn TA hệ số 2)
- Ngôn ngữ Trung Quốc (D01, D04)	250	307	31,12 (Môn NN hệ số 2)	270	281	34,87 (Môn NN hệ số 2)
Lĩnh vực 20						
- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (D01)	300	283	30,07 (Môn TA hệ số 2)	330	340	32,61 (Môn TA hệ số 2)
- Quản trị khách sạn (D01)	-	-	-	60	62	33,18 (Môn TA hệ số 2)
Tổng	3.540	3.706		3.940	4.048	

2. Các thông tin tuyển sinh năm 2022

2.1. Đối tượng tuyển sinh

Trường Đại học Mở Hà Nội xét tuyển thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Handwritten signature

Handwritten signature

2.2. Phạm vi tuyển sinh

Trường Đại học Mở Hà Nội xét tuyển thí sinh trên cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh

2.3.1. Đối với các môn văn hóa

TT	Tên ngành	Các môn văn hóa trong THXT		
		Xét kết quả của Kỳ thi tốt nghiệp THPT 2022	Xét kết quả học tập bậc THPT (xét học bạ)	Xét kết quả bài thi đánh giá năng lực do ĐHQG HN tổ chức (HSA)
1	Thiết kế công nghiệp (kết hợp với điểm năng khiếu vẽ)	X	X	
2	Kế toán	X		
3	Tài chính – Ngân hàng	X		
4	Quản trị kinh doanh	X		
5	Thương mại điện tử			X
6	Luật	X		
7	Luật kinh tế	X		
8	Luật quốc tế	X		
9	Công nghệ sinh học	X	X	
10	Công nghệ thông tin	X		
11	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	X		
12	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	X		
13	Kiến trúc (kết hợp với điểm năng khiếu vẽ)	X	X	
14	Công nghệ thực phẩm	X	X	
15	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	X		
16	Quản trị khách sạn	X		
17	Ngôn ngữ Anh	X		
18	Ngôn ngữ Trung Quốc	X		

Ghi chú: Với hình thức xét học bạ, thí sinh cần có điểm trung bình của từng môn học trong THXT hoặc điểm trung bình chung của các môn học dùng để xét tuyển không nhỏ hơn 6,0. Điểm trung bình của môn học tham gia xét tuyển là Điểm trung bình cả năm lớp 12 của môn học đó. Nhà trường nhận hồ sơ xét học bạ đến 19/08/2022.

2.3.2. Đối với môn năng khiếu vẽ

- Các ngành/chuyên ngành có môn năng khiếu vẽ gồm: Thiết kế nội thất, Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa (thuộc ngành Thiết kế công nghiệp) và ngành Kiến trúc. Các môn năng khiếu vẽ tính hệ số 2 gồm: Hình họa, Vẽ Mỹ thuật và Bố cục màu.

- Để đủ điều kiện tham gia xét tuyển vào các ngành có môn năng khiếu vẽ, thí sinh bắt buộc phải tham dự kỳ thi tuyển sinh môn năng khiếu vẽ do Trường Đại học Mở Hà Nội tổ chức (Nhà trường tổ chức thi môn Hình họa và môn Bố cục màu, có thể dùng phương thức thi trực tiếp hoặc trực tuyến). Nhà trường nhận hồ sơ ĐKDT năng khiếu vẽ từ 15/03/2022; thí sinh cần xem kỹ thủ tục đăng ký dự thi và ngày thi chính thức tại tuyensinh.hou.edu.vn. Trường Đại học Mở Hà Nội sẽ chủ động sử dụng kết quả thi năng khiếu vẽ của thí sinh, kết hợp với kết quả các môn văn hóa để xét tuyển. Thí sinh xét học bạ cần nộp hồ sơ về Trường Đại học Mở Hà Nội; thí sinh xét kết quả của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 thì nộp hồ sơ cùng hồ sơ dự thi tốt nghiệp, Trường sẽ tải kết quả thi năng khiếu vẽ lên hệ thống xét tuyển của Bộ GD&ĐT.

- Nếu không kịp tham dự kỳ thi năng khiếu vẽ do Trường tổ chức, thí sinh có thể dự thi tại các trường đại học khác trên cả nước, sau đó nộp phiếu điểm năng khiếu để tham gia xét tuyển, nhưng phải chú ý hạn nộp phiếu điểm.

Lưu ý: Các môn năng khiếu có thể được công nhận tương đương: Trang trí màu tương đương Bố cục màu (vẽ bằng màu); Hình họa tương đương Vẽ mỹ thuật (vẽ bằng chì đen).

2.3.3. Đối với ngành Thương mại điện tử

- Nhà trường dùng kết quả bài thi HSA để xét tuyển, không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 và không xét học bạ hoặc các phương thức khác.

- Thí sinh muốn xét tuyển vào ngành Thương mại điện tử cần tham dự bài thi HSA, thời gian thi theo lịch thi của Đại học Quốc gia Hà Nội. Thí sinh cần xem kỹ thủ tục đăng ký xét tuyển vào ngành Thương mại điện tử tại <http://tuyensinh.hou.edu.vn>

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy năm 2022

TT	Các ngành đào tạo trình độ đại học	Chỉ tiêu theo phương thức xét tuyển từ kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT 2022	Chỉ tiêu theo phương thức xét tuyển từ kết quả học THPT (xét học bạ)	Chỉ tiêu theo phương thức xét tuyển từ kết quả bài thi HSA
1	Lĩnh vực 2	150	100	
	Ngành Thiết kế công nghiệp	150	100	
2	Lĩnh vực 3	780		80
	Ngành Kế toán	240		

BLS

Uuuu

	Ngành Quản trị kinh doanh	240		
	Ngành Thương mại điện tử			80
	Ngành Tài chính – Ngân hàng	300		
	Lĩnh vực 4	500		
3	Ngành Luật (<i>Chi tiêu THXT C00 là 60, chi tiêu 3 THXT còn lại là 140</i>)	200		
	Ngành Luật kinh tế (<i>Chi tiêu THXT C00 là 60, chi tiêu 3 THXT còn lại là 140</i>)	200		
	Ngành Luật quốc tế (<i>Chi tiêu THXT C00 là 30, chi tiêu 3 THXT còn lại là 70</i>)	100		
4	Lĩnh vực 5	100	50	
	Ngành Công nghệ sinh học	100	50	
5	Lĩnh vực 8	340		
	Ngành Công nghệ thông tin	340		
6	Lĩnh vực 9	360		
	Ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	180		
	Ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	180		
7	Lĩnh vực 11	100	50	
	Ngành Công nghệ thực phẩm	100	50	
8	Lĩnh vực 12	70	50	
	Ngành Kiến trúc	70	50	
9	Lĩnh vực 16	560		
	Ngôn ngữ Anh	330		
	Ngôn ngữ Trung Quốc	230		
10	Lĩnh vực 20	310		
	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	150		
	Quản trị khách sạn	160		
Tổng số		3.270	250	80

220

5

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT

Trường Đại học Mở Hà Nội nhận ĐKXT của những thí sinh có tổng điểm 3 môn thi (gồm cả điểm ưu tiên khu vực, đối tượng) không thấp hơn Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường công bố sau khi thí sinh có kết quả thi tốt nghiệp THPT 2022.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường

Các ngành đào tạo đại học	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Mã THXT
1. Lĩnh vực 2: 250 chỉ tiêu			
Thiết kế công nghiệp gồm 3 chuyên ngành: + Thiết kế nội thất + Thiết kế thời trang + Thiết kế đồ họa	7210402	HÌNH HỌA, BÓ CỤC MÀU , Ngữ văn; HÌNH HỌA , Toán, Ngữ văn; HÌNH HỌA , Ngữ văn, Tiếng Anh.	H00 H01 H06
2. Lĩnh vực 3: 860 chỉ tiêu			
- Kế toán	7340301	Toán, Vật lý, Hóa học;	A00
- Tài chính – Ngân hàng (Đào tạo 2 chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp và Ngân hàng thương mại)	7340201	Toán, Vật lý, Tiếng Anh; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	A01 D01
- Quản trị kinh doanh	7340101	Toán, Vật lý, Hóa học; Tiếng Anh, Toán, Vật lý; Tiếng Anh, Toán, Ngữ văn.	A00 A01 D01
- Thương mại điện tử	7340122	Sử dụng kết quả bài thi HSA	
3. Lĩnh vực 4: 500 chỉ tiêu			
- Luật	7380101	Toán, Vật lý, Hóa học;	A00
- Luật Kinh tế	7380107	Toán, Vật lý, Tiếng Anh;	A01
- Luật Quốc tế	7380108	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý.	D01 C00
4. Lĩnh vực 5: 150 chỉ tiêu			
Công nghệ sinh học (Đào tạo 5 chuyên ngành: Thực phẩm, Y-Dược, Môi trường, Nông nghiệp, Mỹ phẩm)	7420201	Hóa học, Sinh học, Toán; Hóa học, Toán, Vật lý; Hóa học, Toán, Tiếng Anh.	B00 A00 D07
5. Lĩnh vực 8: 340 chỉ tiêu			
Công nghệ thông tin (Đào tạo 4 chuyên ngành: CN phần mềm, Hệ thống thông tin, CN đa phương tiện, Mạng và an toàn hệ thống)	7480201	Toán, Vật lý, Hóa học; Toán, Vật lý, Tiếng Anh; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	A00 A01 D01

AC

lluuu

6. Lĩnh vực 9: 360 chỉ tiêu			
- Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	Toán, Vật lý, Hóa học; Toán, Vật lý, Tiếng Anh;	A00 A01
- Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	Toán, Vật lý, Ngữ văn; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	C01 D01
7. Lĩnh vực 11: 150 chỉ tiêu			
- Công nghệ thực phẩm	7540101	Hóa học, Sinh học, Toán; Hóa học, Toán, Vật lý; Hóa học, Toán, Tiếng Anh.	B00 A00 D07
8. Lĩnh vực 12: 120 chỉ tiêu			
- Kiến trúc	7580101	VẼ MỸ THUẬT , Toán, Vật lý; HÌNH HỌA , Toán, Ngữ văn; HÌNH HỌA , Toán, Tiếng Anh.	V00 V01 V02
9. Lĩnh vực 16: 560 chỉ tiêu			
- Ngôn ngữ Anh	7220201	TIẾNG ANH , Toán, Ngữ văn.	D01
- Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	TIẾNG ANH , Toán, Ngữ văn; TIẾNG TRUNG , Toán, Ngữ văn.	D01 D04
10. Lĩnh vực 20: 310 chỉ tiêu			
- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (<i>Đào tạo 2 chuyên ngành: Quản trị Du lịch - Khách sạn, Hướng dẫn du lịch và Quản trị lữ hành</i>)	7810103	TIẾNG ANH , Toán, Ngữ văn.	D01
- Quản trị khách sạn	7810201		

2.6.1. Nguyên tắc xét tuyển

- Xét tuyển tổng điểm 3 môn (gồm cả điểm ưu tiên, không có môn nào trong THXT có kết quả từ 1,0 trở xuống) theo từng ngành/chuyên ngành và theo từng THXT, lấy từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

- Nguyên tắc tính **Tổng điểm xét tuyển** như sau:

+ Các ngành/chuyên ngành gồm 3 môn văn hóa tính hệ số 1:

Tổng điểm xét tuyển = (Môn 1) + (Môn 2) + (Môn 3) + [Điểm UT (nếu có)]

+ Các ngành/chuyên ngành có 1 môn tính hệ số 2:

Tổng điểm xét tuyển = (Môn 1) + (Môn 2) + (Môn 3 x 2) + [Điểm UT (nếu có) x 4/3]

+ Các ngành/chuyên ngành có 2 môn tính hệ số 2:

Tổng điểm xét tuyển = (Môn 1) + (Môn 2 x 2) + (Môn 3 x 2) + [Điểm UT (nếu có) x 5/3]

+ Tổng điểm xét tuyển làm tròn đến hai chữ số thập phân và sẽ do phần mềm máy tính tự động quy đổi về thang điểm 30 hoặc thang điểm 40 theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

Handwritten mark

Handwritten signature
7

- Nhà trường xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng.
- Tiêu chí phụ: Nếu ở mức điểm trúng tuyển có nhiều thí sinh bằng điểm nhau, nhà trường chọn thí sinh có điểm môn thi thứ nhất cao hơn (Thứ tự môn thi tính theo thứ tự các môn trong THXT quy định tại mục 2.6), ngoài các tiêu chí cứng theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Kết thúc đợt xét tuyển đợt 1, nếu còn chỉ tiêu, nhà trường sẽ xét tuyển nguyện vọng bổ sung theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Quy định về xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển: Nhà trường dành tối đa 5% chỉ tiêu cho các đối tượng tuyển thẳng và sẽ có quy định riêng sau khi có hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Trường Đại học Mở Hà Nội không quy định độ lệch điểm chuẩn giữa các THXT trong cùng một ngành/chuyên ngành. Riêng 3 ngành Luật Kinh tế, Luật Quốc tế và Luật tách riêng chỉ tiêu THXT C00 để xét tuyển với số lượng chỉ tiêu bằng 30% chỉ tiêu của ngành.
- Trường Đại học Mở Hà Nội không sử dụng kết quả miễn thi bài thi Ngoại ngữ trong kỳ thi tốt nghiệp THPT để tuyển sinh; Trường thực hiện quy đổi điểm Ngoại ngữ cho các thí sinh có chứng chỉ quốc tế như sau:

Chứng chỉ ngoại ngữ	Điểm ngoại ngữ quy đổi sang thang điểm 10		
	9,0	9,5	10,0
Tiếng Anh			
IELTS	5.5	6.0	Từ 6.5
TOEFL PBT	513-530	531-547	Từ 548
TOEFL CBT	183-195	196-210	Từ 211
TOEFL iBT	65-70	71-78	Từ 79
Tiếng Trung Quốc	HSK3	HSK4	HSK5

Thí sinh có chứng chỉ (đang trong thời hạn có giá trị tính đến ngày 19/08/2022) trong bảng trên và muốn sử dụng để thay thế cho môn ngoại ngữ trong THXT khi tham gia xét tuyển vào Trường thì thực hiện như sau:

- + Nộp chứng chỉ (bản sao có chứng thực hợp lệ) về Phòng Quản lý Đào tạo trước ngày 01/08/2022. Thí sinh cần ghi rõ số báo danh dự thi tốt nghiệp THPT 2022 (nếu có) ở phía trên góc phải của chứng chỉ;
- + Khi nhập học thí sinh phải nộp bản gốc chứng chỉ để Nhà trường kiểm tra, thí sinh phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu chứng chỉ không hợp lệ;
- + Mức quy đổi điểm này chỉ có giá trị khi tham gia xét tuyển ở Trường Đại học Mở Hà Nội.

2.6.2. Các môn tính hệ số 2

Các môn viết chữ **HOA**, in **ĐẬM** là môn thi chính hoặc môn năng khiếu, sẽ tính hệ số 2.

2.6.3. Thời gian ĐKXT và xác nhận nhập học

Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

2.7. Tổ chức tuyển sinh

- Trường Đại học Mở Hà Nội chỉ tổ chức thi tuyển sinh môn năng khiếu vẽ (môn Hình họa và Bố cục màu), còn các môn văn hóa sẽ xét tuyển.

- Nhà trường tổ chức thi năng khiếu vẽ tại trường, thí sinh xem chi tiết tại Cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>

2.8. Chính sách ưu tiên

Chính sách ưu tiên trong xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh xem chi tiết tại Cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Lệ phí thi tuyển môn năng khiếu vẽ thí sinh xem chi tiết tại Cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy và lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

Trường Đại học Mở Hà Nội thu học phí theo quy định của Nhà nước đối với trường đại học công lập tự chủ toàn diện; Chi tiết tại Phần I Đề án tuyển sinh năm 2022.

2.11. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2022

- Địa chỉ website của trường: www.hou.edu.vn

- Địa chỉ Cổng thông tin tuyển sinh của trường: <http://tuyensinh.hou.edu.vn>

- Email Phòng Quản lý Đào tạo: daotao@hou.edu.vn

Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Tuấn	Chuyên viên Phòng QLĐT	02462974545	daotao@hou.edu.vn
2	Trần Trọng Nghĩa	Chuyên viên Phòng QLĐT	02462974646	daotao@hou.edu.vn
3	Tại Cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường (http://tuyensinh.hou.edu.vn) có bộ phận tư vấn, hỗ trợ và giải đáp mọi thắc mắc của thí sinh.			

Handwritten signature

Handwritten signature

3. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

Nếu sau khi xét tuyển Đợt 1 mà chưa đủ chỉ tiêu, Nhà trường sẽ xét tuyển bổ sung cho đến khi đủ chỉ tiêu. Thông báo về xét tuyển bổ sung sẽ được công bố trên Cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>

4. Thời gian nhập học Đợt 1

Nhà trường tổ chức nhập học Đợt 1 cho thí sinh đã xác nhận nhập học ngay sau khi công bố trúng tuyển. Thông báo về các thủ tục nhập học sẽ được công bố trên Cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2022

Cán bộ kê khai

Nguyễn Tuấn

Số ĐT: 0984624368

Email: nguyentuan1981@hou.edu.vn

